

Thành phần và phân bố thực vật nguy cấp, quý, hiếm tại khu rừng Kon Plông, tỉnh Kon Tum

Nguyễn Thị Thiên Hương¹, Nguyễn Quốc Dũng²

¹Tổ chức bảo tồn Động thực vật quốc tế (Fauna & Flora)

²Viện Điều tra, Quy hoạch rừng

Composition and distribution of threatened plants in the Kon Plong forest area, Kon Tum province

Nguyen Thi Thien Huong¹, Nguyen Quoc Dung²

¹Fauna & Flora

²Forest Inventory and Planning Institute

<https://doi.org/10.55250/jo.vnuf.13.5.2024.098-107>

TÓM TẮT

Nghiên cứu này là kết quả khảo sát thực địa ở huyện Kon Plông, tỉnh Kon Tum năm 2023. Mục tiêu chính của nghiên cứu nhằm góp phần đưa ra cơ sở khoa học và thực tiễn bảo tồn các loài thực vật nguy cấp, quý, hiếm tại khu vực nghiên cứu. Phương pháp nghiên cứu chính gồm: kế thừa tài liệu điều tra đa dạng sinh học trong khu vực từ trước đến nay; kết hợp phỏng vấn với điều tra theo tuyến có sự tham gia người dân, kiểm lâm và nhân viên bảo vệ rừng. Kết quả nghiên cứu đã xây dựng được danh lục của 96 loài thực vật nguy cấp, quý, hiếm, trong đó có 35 loài theo Sách Đỏ Việt Nam (2007), 14 loài trong Danh mục Đỏ IUCN (2024) bị đe dọa ở mức CR, EN và VU; 70 loài trong Nghị định số 84/2021/NĐ-CP của Chính phủ Việt Nam. Trong số 96 loài, đã xác định được 41 loài được phát hiện trong quá trình phỏng vấn và điều tra trên tuyến, trong đó có 21 loài thực vật nguy cấp, quý, hiếm lần đầu tiên ghi nhận cho khu hệ thực vật ở Kon Plông. Các loài thực vật nguy cấp quý, hiếm phân bố chủ yếu vùng sâu, xa ở độ cao 400 m đến 2.134 m so với mực nước biển, trong hai kiểu rừng chính là rừng kín lá rộng thường xanh và rừng thường xanh hỗn giao cây lá rộng và lá cây lá kim. Trên cơ sở kết quả nghiên cứu, khuyến nghị chuyển các khu rừng phòng hộ và rừng sản xuất có giá trị bảo tồn cao thành rừng đặc dụng.

Thông tin chung:

Ngày nhận bài: 02/08/2024

Ngày phản biện: 05/09/2024

Ngày quyết định đăng: 03/10/2024

Từ khóa:

Kon Plông, Kon Tum,
phân bố, thực vật nguy cấp.

ABSTRACT

This study results from field surveys in Kon Plong district, Kon Tum province in 2023. The main objective of this study is to contribute to providing the scientific and practice basis for the conservation of threatened plant species in the study area. The main research methods include: inheriting existing documents on biodiversity in the area and combining interviews with surveys on transect lines with the participation of local villagers, forest rangers and forest protection staff. The research results have identified a list of 96 threatened plant species, including 35 species listed in the Vietnam Red Data Book (2007) and 14 species in the IUCN Red List of Threatened Species (2024) in CR, EN and VU levels; 70 species in Decree No. 84/2021/ND-CP of the Government of Vietnam. Of the 96 species, 41 were identified during interviews and surveys along the transect lines, including 21 new record threatened plant species to the flora of Kon Plong. The threatened plant species are mainly distributed in remote areas at the altitude of from 400 m to 2,134 m above sea level, in two main forest types as evergreen broadleaf forest and mixed evergreen broadleaf and coniferous forest. Based on the research results, it is recommended to convert protection forests and production forests with high conservation values into a special use forest site.

Keywords:

Kon Plong, Kon Tum,
distribution, threatened plants.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Huyện Kon Plông là huyện miền núi nằm ở phía Đông Bắc tỉnh Kon Tum, có độ che phủ của rừng hơn 82% (Niên giám Thống kê tỉnh Kon Tum, 2019). Đây là một trong những huyện còn giữ được diện tích rừng tự nhiên lớn nhất ở Việt Nam. Nhiều diện tích rừng còn tương đối nguyên sinh với các kiểu hệ sinh thái rừng điển hình cho vùng Tây Nguyên và Nam Trung Bộ như rừng lá rộng thường xanh nhiệt đới, rừng lá rộng thường xanh á nhiệt đới, rừng hỗn giao lá rộng và lá kim thường xanh á nhiệt đới... [1]. Rừng tự nhiên là nơi sinh sống của nhiều loài nguy cấp, quý, hiếm như động vật có Chà vá chân xám, Vượn đen má hung, Gấu; thực vật có Pơ mu, Thông đà lạt, Lan kim tuyến... [1, 2]. Diện tích rừng tự nhiên trong khu vực hiện là rừng phòng hộ và rừng sản xuất, đang được quy hoạch là rừng đặc dụng (Khu bảo tồn loài và sinh cảnh) theo Quyết định số 1756/QĐ-TTg ngày 31/12/2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tỉnh Kon Tum thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050. Dân cư trong huyện còn khá thưa thớt với thành phần dân tộc chủ yếu là Ka Dong, Mơ Nâm, Xê Đăng và một số dân tộc khác. Người dân ở đây, đặc biệt là các dân tộc ít người đã sinh sống lâu đời gắn bó với rừng và thiên nhiên.

Tuy nhiên, do hiện trạng rừng trong khu vực là rừng phòng hộ và rừng sản xuất nên việc rừng và đa dạng sinh học đã và đang bị tác động, có nguy cơ đe dọa sự tuyệt chủng của các loài nguy cấp, quý, hiếm trong khu vực, đồng thời làm giảm hoặc mất đi chức năng của các hệ sinh thái như khả năng điều tiết nước, chống xói mòn, làm sạch môi trường [2]. Điều tra xây dựng danh lục thực vật nguy cấp, quý, hiếm và phân bố của chúng ở Kon Plông nhằm cung cấp nguồn tư liệu, góp phần đảm bảo cơ sở khoa học vững chắc cho việc chuyển mục đích sử

dụng rừng phòng hộ và rừng sản xuất thành rừng đặc dụng sau khi có quy hoạch; đồng thời cung cấp thông tin, tư liệu, là cơ sở thực tiễn cho công tác quản lý rừng và đa dạng sinh học, đặc biệt là các loài nguy cấp, quý, hiếm trong khu vực.

2. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Phương pháp kế thừa: Kế thừa danh mục thực vật nguy cấp, quý hiếm từ các kết quả điều tra, nghiên cứu đa dạng sinh học ở khu vực Kon Plông trước đây của Eames và cộng sự (2001) [1], Wearn và cộng sự (2021) [2].

Phương pháp điều tra thực địa: Kết hợp phương pháp phỏng vấn và điều tra thực địa theo tuyến. Phỏng vấn các nhân viên bảo vệ rừng của Ban quản lý rừng phòng hộ Thạch Nham, Công ty Lâm nghiệp Kon Plông, người dân có kinh nghiệm đi rừng và sử dụng lâm sản để xác định vùng phân bố các loài thực vật nguy cấp, quý, hiếm. Áp dụng các phương pháp điều tra thực vật theo tuyến của Nguyễn Nghĩa Thìn 2007 [3] có sự tham gia của những người đã phỏng vấn. Trên cơ sở đó, 09 tuyến điều tra điển hình được xác lập có độ dài khác nhau, đi qua các kiểu rừng, địa hình khác nhau. Trên tuyến, ghi nhận toàn bộ sự có mặt của các loài nguy cấp, quý, hiếm và thu mẫu tiêu bản (hiện được bảo quản tại Bảo tàng Tài nguyên rừng Việt Nam). Sử dụng điện thoại thông minh và phần mềm để ghi nhận tuyến điều tra và các điểm phân bố thực vật nguy cấp, quý, hiếm. Thời gian điều tra, khảo sát thực vật nguy cấp, quý, hiếm tại rừng Kon Plông được chia thành nhiều đợt trong năm 2023.

Phương pháp xử lý số liệu: Chuyển kết quả điều tra trên tuyến từ điện thoại thông minh vào phần mềm MapInfor trên máy tính để xây dựng bản đồ tuyến nghiên cứu và bản đồ phân bố các loài thực vật nguy cấp, quý, hiếm. Thông tin các tuyến điều tra thể hiện ở Bảng 1.

Bảng 1. Thông tin các tuyến điều tra thực vật nguy cấp, quý, hiếm

TT	Tên tuyến	Toạ độ điểm đầu (X,Y)	Toạ độ điểm cuối (X,Y)	Độ cao trung bình (m) so với mực nước biển	Chiều dài tuyến (km)
1	T1	591743.8; 1626560	593728.2; 1629861	769	26
2	T2	582613.5; 1651039	583013.9; 1648460	890	18
3	T3	591867.2; 1646155	593032.2; 1644055	812	5
4	T4	580936.4; 1650421	578071; 1650585	814	10
5	T5	584020.6; 1648107	584835.9; 1646532	1009	9
6	T6	579358.7; 1631763	581375.1; 1635833	1231	11.5
7	T7	576956.7; 1635342	572080.2; 1634659	1241	13
8	T8	604299.8; 1633654	604496.2; 1633010	1062	4
9	T9	594424.1; 1623802	596973.8; 1627692	1201	14

Giám định mẫu, xác định các loài phát hiện trong quá trình điều tra thực địa, bổ sung các loài mới phát hiện cho khu hệ thực vật và xây dựng danh lục thực vật nguy cấp, quý, hiếm cho khu vực. Các tài liệu được sử dụng để định loại thực vật bao gồm: Cây cỏ Việt Nam (Phạm Hoàng Hộ, 1999 - 2000) [4], Cẩm nang tra cứu và nhận biết các họ thực vật hạt kín ở Việt nam (Nguyễn Tiên Bản, 1997) [5], Thực vật chí Việt Nam (Nguyễn Tiến Bản, 2000) [6], Danh mục các loài thực vật Việt Nam (Nguyễn Tiến Bản và cộng sự, 2003, 2005) [7, 8], Sách Đỏ Việt Nam - Phần thực vật [9]. Sử dụng Sách Đỏ Việt Nam (2007) [9], Danh mục Đỏ IUCN (2024) [10], Nghị định số 84/2021/NĐ-CP của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 06/2019/NĐ-CP ngày 22 tháng 01 năm 2019 của Chính phủ về quản lý thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm và thực thi Công ước về buôn bán quốc tế các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp (sau đây viết tắt là Nghị

định số 84/2021/NĐ-CP) [11] để xác định mức đe dọa. Sử dụng tên khoa học theo hệ thống phân loại APG (Angiosperm Phylogeny Group), trong Sách Đỏ Việt Nam và Nghị định số 84/2021/NĐ-CP để xây dựng danh lục các loài thực vật nguy cấp, quý, hiếm.

3. KẾT QUẢ VÀ THẢO LUẬN

3.1. Thành phần loài thực vật nguy cấp, quý, hiếm ở rừng Kon Plông

Từ kết quả khảo sát thực địa và kết quả rà soát kế thừa các tài liệu điều tra đa dạng sinh học tại Kon Plông [1, 2] từ năm 2001 đến nay (nội dung rà soát chủ yếu bổ sung tên tiếng Việt, sửa lỗi chính tả và cập nhật tên khoa học, xác định và cập nhật cấp bị đe dọa) đã xác định được 96 loài nguy cấp, quý, hiếm, trong đó có 35 loài theo Sách Đỏ Việt Nam (2007) bị đe dọa ở mức VU trở lên, 14 loài trong danh mục đỏ IUCN (2024) ở mức VU trở lên và 70 loài nằm trong Nghị định số 84/2021/NĐ-CP (Bảng 2).

Bảng 2 - Tổng hợp thực vật nguy cấp, quý, hiếm ở Kon Plông

Văn bản	Mức đe dọa					Tổng
	CR	EN	VU	IA	IIA	
SĐVN (2007)	3	17	15			35
IUCN (2024)	3	5	6			14
NĐ 84/2021/NĐ-CP				2	68	70
Tổng	6	22	20	2	68	96

Kết quả tổng hợp từ khảo sát thực địa và kế thừa các tài liệu đã xây dựng được danh mục các loài thực vật nguy cấp, quý, hiếm với 96 loài

thuộc 64 chi, 25 họ, 3 ngành thực vật bậc cao có mạch phân bố tự nhiên trong khu vực nghiên cứu (Bảng 3).

Bảng 3. Danh mục các loài thực vật nguy cấp, quý, hiếm ở Kon Plông

TT	Tên Việt Nam	Tên khoa học	Sách Đỏ Việt Nam (2007)	IUCN (2024)	ND 84/2021/ND-CP	Kết quả khảo sát	Kế thừa tài liệu
NGÀNH DƯƠNG XỈ		PTERIDOPHYTA					
Họ Dương xỉ		Cibotiaceae					
1	Cầu tích	<i>Cibotium barometz</i> (L.) J. Sm.			IIA	S, P, R	
2	Tắc kè đá	<i>Drynaria bonii</i> Christ	VU		IIA	O, R	
3	Cốt toái bồ	<i>Drynaria fortunei</i> (Kunze ex Mett.) J. Sm.	EN		IIA	O	2
Họ Ráng tiên tọa		Cyatheaceae					
4	Dương xỉ gỗ, Dương xỉ cổ đại	<i>Cyathea contaminans</i> (Wall. ex Hook.) Copel.		LC	IIA	S, P, R	
5	Ráng tiên tọa rộng	<i>Cyathea latebrosa</i> (Wall. ex Hook.) Copel.			IIA	P	1, 2
NGÀNH THÔNG		PINOPHYTA					
Họ Thông		Pinaceae					
6	Thông đà lạt	<i>Pinus dalatensis</i> Ferré		NT	IIA	S, P, I	1
7	Thông nhựa	<i>Pinus merkusii</i> Jungh & de Vriese		VU		O	1,2
Họ Đỉnh tùng		Cephalotaxaceae					
8	Đỉnh tùng	<i>Cephalotaxus mannii</i> Hook. f.	VU	VU	IIA	S, P, I	1;2
Họ Hoàng đàn		Cupressaceae					
9	Pơ mu	<i>Fokienia hodginsii</i> (Dunn) A. Henry & H. H. Thomas	EN	VU	IIA	S, I	2
NGÀNH HẠT KÍN		ANGIOSPERMAE					
LỚP HAI LÁ MẪM		DICOTYLEDONES					
Họ Nguyệt quế		Lauraceae					
10	Re hương, Xá xí	<i>Cinnamomum parthenoxylon</i> (Jack) Meisn.	CR	LC	IIA	S, P, I	1, 2
Họ Hoa sói		Chloranthaceae					
11	Mật hương	<i>Hedyosmum orientale</i> Merr. & Chun	CR				1, 2
Họ Dó đất		Balanophoraceae					
12	Sơn dương	<i>Rhopalocnemis phalloides</i> Jungh.		VU			1, 2
13	Nấm đất	<i>Balanophora laxiflora</i> Hamsl.	EN				1
Họ Máu chó		Myristicaceae					
14	Máu chó lá lớn	<i>Knema pierrei</i> Warb.		VU			1,2
15	Máu chó trái dày	<i>Knema pachycarpa</i> W. J. de Wilde		VU			1, 2
Họ Ngọc lan		Magnoliaceae					
16	Giổi lông	<i>Michelia balansae</i> (A.DC.) Dandy	VU	DD		S, P, I	1
17	Giổi đá	<i>Paramichelia baillonii</i> (Pierre) Hu	VU			S, P, I	2
18	Giổi lụa	<i>Tsoongiodendron odorum</i> Chun	VU			S, P, I, R	
Họ Nữ lang		Caprifoliaceae					
19	Sì to	<i>Valeriana jatamansi</i> D. Don	EN				2
Họ Dẻ		Fagaceae					
20	Sồi đầu to	<i>Quercus macrocalyx</i> Hickel & A. Camus	VU	LC			1,2

TT	Tên Việt Nam	Tên khoa học	Sách Đỏ Việt Nam (2007)	IUCN (2024)	NĐ 84/2021/NĐ-CP	Kết quả khảo sát	Kế thừa tài liệu
21	Dẻ trung bộ	<i>Lithocarpus annamitorus</i> (A. Chev.) A. Camus		EN			1
22	Dẻ phẳng	<i>Lithocarpus cerebrinus</i> (Hickel & A. Camus) A. Camus	EN				2
23	Dẻ nha trang	<i>Lithocarpus nhatrangensis</i> (Hickel & A. Camus) A. Camus		CR			2
Họ Trâm		Thymelaeaceae					
24	Trâm hương	<i>Aquilaria crassna</i> Pierre ex Lecomte	EN	CR		S, P, I	1,2
Họ Xoan		Meliaceae					
25	Gội nếp	<i>Aglaia spectabilis</i> (Miq.) Jain et Bennet.	VU	LC			1
Họ Hồi		Illiciaceae					
26	Hồi núi	<i>Illicium griffithii</i> Hook. f. & Thomson		EN			1,2
Họ Bí		Cucurbitaceae					
27	Dần toòng, Giảo cổ lam	<i>Gynostemma pentaphyllum</i> (Thunb.) Makino	EN				1,2
Họ Đơn nem		Myrsinaceae					
28	Cơm nguội thân ngắn	<i>Ardisia brevicaulis</i> (Thunb.) Makino	VU				1,2
29	Rè đệp	<i>Embelia parviflora</i> Wall. Ex A. DC.	VU				1
Họ Tiết dê		Menispermaceae					
30	Vàng đắng	<i>Coscinium fenestratum</i> (Gaertn.) Colebr.	VU	DD	IIA		1
31	Bình vôi	<i>Stephania rotunda</i> Lour.			IIA	P, R	
32	Nam hoàng liên	<i>Fibraurea tinctoria</i> Lour.			IIA		2
Họ Trôm		Sterculiaceae					
33	Lười ươi, Ươi	<i>Scaphium macropodium</i> (Miq.) Beumée ex K. Heyne	VU	LC		S, P, I, R	
Họ Đậu		Fabaceae					
34	Trắc	<i>Dalbergia cochinchinensis</i> Laness.	EN	CR		I, R	
35	Gụ mật, Gõ mật	<i>Sindora siamensis</i> Teijsm. ex Miq.	EN	LC	IIA	S, P, R	
LỚP MỘT LÁ MẦM		MONOCOTYLEDONES					
Họ Râu hùm		Tacaceae					
36	Phá lửa/Râu hùm	<i>Tacca subflabellata</i> P. P. Ling & C. T. Ting	VU			P	2
37	Kim cang petelot	<i>Smilax petelotii</i> T. Kongama	CR				1
Họ Trọng lâu		Trilliaceae					
38	Trọng lâu nhiều lá, Bảy lá một hoa	<i>Paris polyphylla</i> Smith	EN		IIA	P, I	1
Họ Ngũ gia bì		Araliaceae					
39	Ngũ gia bì trung quốc	<i>Aralia chinensis</i> L.		VU		P	1
40	Ngũ gia bì Kon Tum, Đáng	<i>Heptapleurum kontumense</i> (Bui) Lowry & G. M. Plunkett		EN		S, P, R	

TT	Tên Việt Nam	Tên khoa học	Sách Đỏ Việt Nam (2007)	IUCN (2024)	NĐ 84/2021/NĐ-CP	Kết quả khảo sát	Kế thừa tài liệu
Họ Cau		Arecaceae					
41	Song bột	<i>Calamus poilanei</i> Conrard	EN		IIA	P, I, R	
42	Song mật	<i>Calamus platyacanthus</i> Warb ex Becc.	VU		IIA		2
Họ Lan		Orchidaceae					
43	Yên ngựa vạch	<i>Acanthephippium striatum</i> Lindl.			IIA		1
44	Giải thùý sa pa	<i>Anoectochilus chapaensis</i> Gagnep.	EN		IIA		1
45	Lan kim tuyến, Giải thùý	<i>Anoectochilus lylei</i> Rolfe ex Downie			IIA	S, P, I	1,2
46	Lan kim tuyến	<i>Anoectochilus roxburghii</i> (Wall.) Lindl.			IIA	S, P, I, R	
47	Vệ lan cỏ	<i>Appendicula gracilis</i> Aver.			IIA		1
48	Lan sậy trung quốc	<i>Arundina chinensis</i> Blume			IIA		1
49	Lan sậy cỏ	<i>Arundina graminifolia</i> (D.Don) Hochr.			IIA	P, I, R	
50	Cầu diệp hiệp	<i>Bulbophyllum hiepii</i> Aver.			IIA		1
51	Lan lọng thơm	<i>Bulbophyllum odoratissimum</i> (Sm.) Lindl. ex Wall.			IIA		1
52	Cầu diệp	<i>Bulbophyllum clandestinum</i> Lindl.			IIA		1
53	Bầu rượu	<i>Calanthe clavata</i> Lindl.			IIA	P, S	1
54	Nỉ lan biến màu	<i>Callostylis rigida</i> Blume			IIA		1
55	Nỉ lan cầu	<i>Campanulorchis globifera</i> (Rolfe) Brieger			IIA		1
56	Lan vôi sừng lùn	<i>Ceratostylis siamensis</i> Rolfe ex Downie			IIA		1
57	Lan vôi sừng trụ	<i>Ceratostylis subulata</i> Blume			IIA		1
58	Lan mật âm	<i>Cleisocentron klossii</i> (Ridl.) Garay			IIA		1
59	Lan mật khẩu hai mảnh	<i>Cleisostoma fuerstenbergianum</i> Kraenzel.			IIA		1
60	Hoàng hạc	<i>Coelogyne lawrenceana</i> Rolfe			IIA	S, P, R	
61	Tục đoạn đỏ	<i>Coelogyne rubra</i> (Lindl.) Rchb.f.			IIA	S, P, R	
62	Kiểm thanh ngọc	<i>Cymbidium ensifolium</i> (L.) Sw.			IIA	S, P, I, R	
63	Hồng lan	<i>Cymbidium insigne</i> Rolfe	EN		IIA	S, P, I, R	
64	Kiểm lục lan	<i>Cymbidium lancifolium</i> Hook .f.			IIA	S, P	1
65	Lan kiểm trung, Hoàng lan	<i>Cymbidium schroederi</i> Rolfe			IIA	P, I, R	
66	Kiểm mặc lan	<i>Cymbidium sinense</i> (And.) Willd.			IIA	S, P	3
67	Hoàng thảo lá cong	<i>Dendrobium acinaciforme</i> Roxb.			IIA		1
68	Thủy tiên hương	<i>Dendrobium amabile</i> (Lour.) O'Brien	EN		IIA	P, S	1,2
69	Hoàng thảo lá kim	<i>Dendrobium dentatum</i> Seidenf.			IIA	S, P, R	
70	Hoàng thảo sợi gậy	<i>Dendrobium lomatochilum</i> Seidenf.			IIA		1
71	Kim diệp thân phình	<i>Dendrobium chrysotoxum</i> Lindl.	EN		IIA		1

TT	Tên Việt Nam	Tên khoa học	Sách Đỏ Việt Nam (2007)	IUCN (2024)	NĐ 84/2021/NĐ-CP	Kết quả khảo sát	Kế thừa tài liệu
72	Đại giác	<i>Dendrobium lomatochilum</i> Seidenf.				IIA	1
73	Thạch học mi	<i>Dendrobium plicatile</i> Lindl.				IIA	1
74	Thuỷ tiên	<i>Dendrobium thyrsoiflorum</i> B. S. Williams				IIA	1
75	Thượng duyên	<i>Dendrobium tsangianum</i> (Ormerod) Schuit. & Peter				IIA	1
76	Nỉ lan ganepain	<i>Eria gagnepainii</i> Hawkes & Haller				IIA	1
77	Lan len bông thưa	<i>Eria scabrilinguis</i> Lindl.				IIA	1
78	Hảo lan khói	<i>Goodyera fumata</i> Thwaites				IIA	1
79	Tài dê xoan	<i>Liparis elliptica</i> Wight				IIA	1
80	Nhãn điệp gân	<i>Liparis nervosa</i> (Thunb.) Lindl.				IIA	1
81	Lan gấm	<i>Ludisia discolor</i> (Ker Gawl.) Blume				IIA	S, P, I, R
82	Nỉ lan chùm tụ tán	<i>Mycaranthes floribunda</i> (D.Don) S.C.Chen & J.J.Wood				IIA	1
83	Hài đài cuốn, Lan hài táo	<i>Paphiopedilum appletonianum</i> (Gower) Rolfe	VU	EN		IA	S, P, I, 1,2
84	Hài vân (Lan hài chai)	<i>Paphiopedilum callosum</i> (Rchb.f.) Stein		EN		IA	S, P, 1,2
85	Thanh thiên quỳ	<i>Nervilia fordii</i> (Hance) Schltr.	EN			IIA	1
86	Tục đoạn kể	<i>Pholidota articulata</i> Lindl.				IIA	1
87	Tục đoạn lá bắc	<i>Pholidota chinensis</i> Lindl.				IIA	1
88	Tục đoạn cong	<i>Pholidota recurva</i> Lindl.				IIA	1
89	Đại phấn	<i>Platanthera angustata</i> (Blume) Lindl.				IIA	1
90	Nỉ lan bèo	<i>Porpax spirodela</i> (Aver.) Schuit., Y.P.Ng & H.A.Pedersen	EN			IIA	1
91	Lan len rách	<i>Strongyleria pannea</i> (Lindl.) Schuit., Y.P.Ng & H.A.Pedersen				IIA	1
92	Lá nhung	<i>Trichotosia dasyphylla</i> (Par.& Reichenb.f.) Kraenzl.				IIA	1
93	Mao lan lông	<i>Trichotosia velutina</i> (Lodd. ex Lindl.) Kraenzl				IIA	1
94	Xương cá móng	<i>Thrixspermum calceolus</i> (Lindl.) Rchb.f.				IIA	S, P, R
95	Xương cá nhện	<i>Thrixspermum centipeda</i> Lour.				IIA	1
96	Lan sóng thuyền	<i>Tropidia angulosa</i> (Lindl.) Blume				IIA	S, P, R

Ghi chú: Nguồn khảo sát: I - phỏng vấn, O - quan sát, S - thu tiêu bản, P- ảnh chụp, R - loài ghi nhận mới cho khu hệ thực vật Kon Plông; nguồn tài liệu kế thừa: 1 - Eames và các tác giả 2001, 2 - Wearn và các tác giả 2021; Sách Đỏ Việt Nam, Danh lục Đỏ IUCN: CR – Cực kỳ nguy cấp; EN – Nguy cấp; VU – Sắp nguy cấp; Nghị định số 84/2021/NĐ-CP: IA – Nghiêm cấm khai thác, sử dụng vì mục đích thương mại, IIA – Hạn chế khai thác, sử dụng vì mục đích thương mại.

Kết quả nghiên cứu bảng trên cho thấy, Kon Plông là một trong những trung tâm phân bố của các loài thực vật thuộc Họ Lan (Orchidaceae) nguy cấp, quý, hiếm với 56 loài, chiếm hơn nửa số loài thực vật nguy cấp, quý, hiếm trong khu vực. Trong khi đó, các họ thực

vật khác chỉ chiếm từ 1 đến 4 loài.

Trong số các loài thực vật nguy cấp, quý, hiếm trong Sách Đỏ Việt Nam có 03 loài đang bị đe dọa ở mức cực kỳ nguy cấp (CR), là những loài bị đe dọa tuyệt chủng do bị khai thác quá mức cho mục đích lấy tinh dầu và làm thuốc. Các loài thực vật bị đe dọa mức nguy cấp (EN) chủ yếu là các loài có giá trị kinh tế cao đang bị đe dọa do bị khai thác sử dụng lấy gỗ hay làm thuốc hoặc làm cảnh, trong đó loài Ngũ gia bì kon tum là loài đặc hữu phân bố hẹp. Các loài thực vật bị đe dọa ở mức sắp nguy cấp (VU) chủ yếu và các loài thực vật phân bố tương đối rộng nhưng đang bị suy giảm vùng phân bố và suy giảm cá thể do mất sinh cảnh sống và khai thác lấy gỗ hoặc làm thuốc.

Trong số 96 loài trên, có 41 loài thuộc 16 họ thực vật được phát hiện trong quá trình khảo sát có sự tham gia của người dân, kiểm lâm địa bàn, cán bộ bảo vệ rừng của các chủ rừng. Các loài này được ghi nhận thông qua thu và giám định tiêu bản (28 loài), phỏng vấn (20 loài), quan sát trực tiếp (3 loài) và chụp ảnh (36 loài), trong đó có các loài vừa phỏng vấn, vừa chụp ảnh, vừa thu mẫu. Trong số các loài xác định qua khảo sát, có 18 loài bị đe dọa ở cấp VU trở lên trong sách đỏ Việt Nam (2007); 16 loài bị đe dọa ở cấp VU trở lên trong Danh mục Đỏ theo Liên minh Bảo tồn Thiên nhiên Quốc tế (IUCN, 2024); 31 loài trong NĐ 84/2021/NĐ-CP.

Trong số 41 loài thực vật nguy cấp, quý, hiếm được xác định trong quá trình điều tra thực địa, đã phát hiện 21 loài thuộc 18 chi 9 họ thực vật được bổ sung mới cho khu hệ thực vật Kon Plông không có trong danh mục thực vật của các tác giả nghiên cứu trước đây. Các loài mới ghi nhận trên thông qua thu và giám định tiêu bản (16 loài), quan sát và giám định trực tiếp ngoài thực địa (01 loài), phỏng vấn (09 loài), và chụp ảnh (19 loài). Trong đó họ Lan được phát hiện nhiều nhất với 10 loài, sau đó là họ Ngọc lan và họ Đậu mỗi họ 02 loài, các họ còn lại mỗi họ 01 loài. Những loài mới ghi nhận

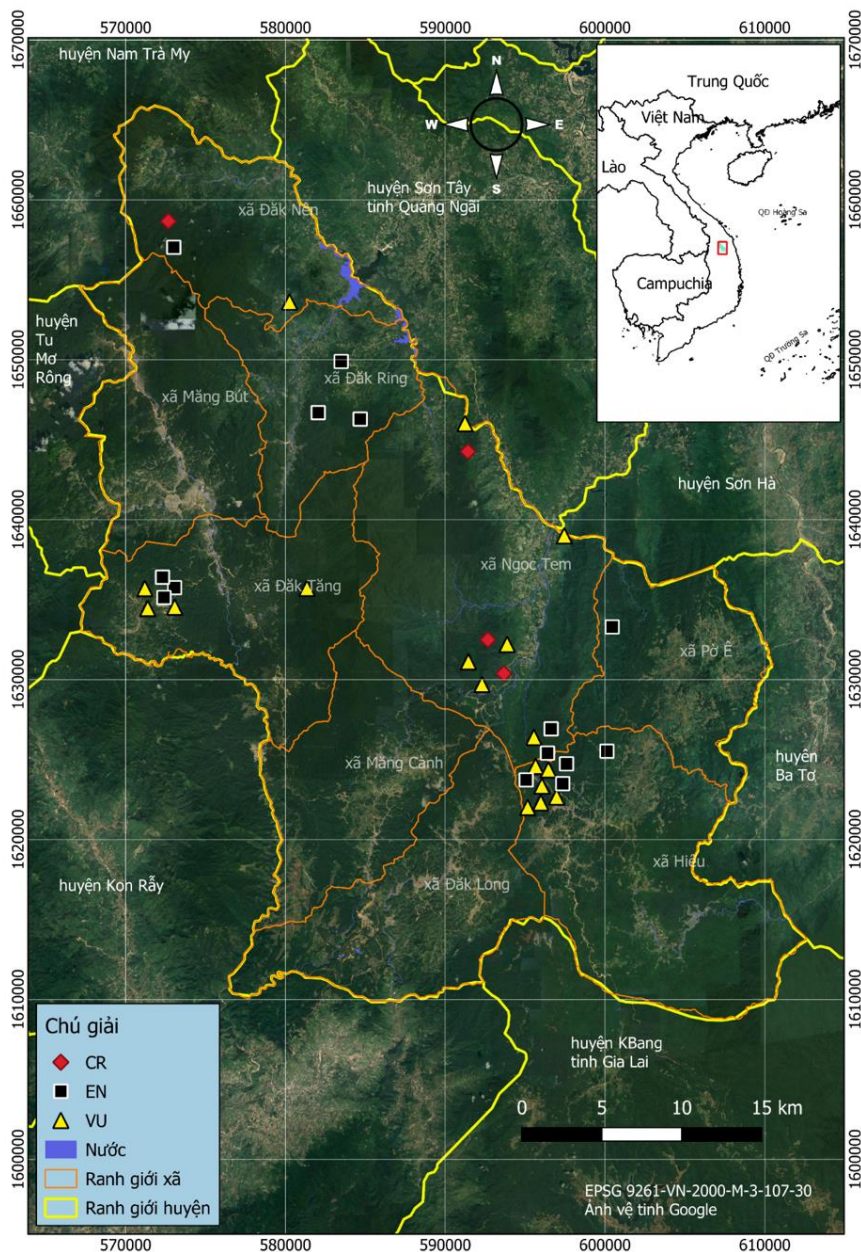
này cho thấy, Kon Plông là nơi phân bố của nhiều loài thực vật nguy cấp, quý, hiếm nói riêng và nhiều loài thực vật nói chung chưa được phát hiện.

3.2. Phân bố của các loài thực vật nguy cấp, quý, hiếm ở rừng Kon Plông

- *Phân bố theo đai cao*: Các loài thực vật nguy cấp, quý, hiếm xuất hiện trên tất cả các tuyến điều tra, phân bố chủ yếu ở các khu vực rừng có độ cao dao động từ 400 m – 2.134 m, phân bố tập trung nhất ở độ cao 900-1.000 m so với mực nước biển.

- *Phân bố theo kiểu rừng*: Các loài nguy cấp ở mức cực kỳ nguy cấp (CR) và nguy cấp (EN) phân bố chủ yếu ở hai kiểu rừng chính là: rừng kín lá rộng thường xanh (bao gồm rừng kín lá rộng thường xanh nhiệt đới vùng thấp và rừng kín lá rộng thường xanh á nhiệt đới núi thấp), rừng hỗn giao thường xanh cây lá rộng với cây lá kim. Tại kiểu rừng lá rộng thường xanh, chúng thường xuất hiện ở những nơi còn tương đối giàu nguyên sinh với các loài như Ráng tiên toạ rộng, Tắc kè đá, Re hương, Giổi đá, Giổi lưa, Trầm hương, Bình vôi, Gụ mật, Trọng lâu nhiều lá, Phá lửa, Ngũ gia bì kon tum, Song bột, một số loài Lan... Ở rừng thường xanh hỗn giao cây lá rộng và cây lá kim có mặt các loài Thông đà lạt, Đỉnh tùng, Pơ mu, Giổi lông, Cầu tích, Dương xỉ cổ đại, Lan hài tảo, Hồng lan và một số loài lan khác.

- *Phân bố theo địa lý*: Loài thực vật bị đe dọa ở mức CR phân bố rải rác, chỉ xuất hiện trên các tuyến điều tra ở khá sâu trong khu vực rừng tự nhiên thuộc xã Ngọc Tem, xã Đăk Nén thuộc khu vực quản lý của Ban quản lý rừng phòng hộ Thạch Nham. Loài bị đe dọa ở mức EN phân bố rộng hơn, xuất hiện trên hầu hết các tuyến điều tra trong khu vực nghiên cứu, thuộc quản lý của Ban quản lý rừng phòng hộ Thạch Nham và Công ty Lâm nghiệp huyện Kon Plông. Các loài sắp nguy cấp (VU) cũng phân bố rộng và xuất hiện nhiều trên các tuyến khảo sát (Hình 1).



Hình 1. Sơ đồ phân bố một số loài thực vật nguy cấp, quý, hiếm theo mức độ đe dọa của Sách Đỏ Việt Nam (2007)

Một trong những đặc điểm đáng chú ý nhất về phân bố các loài nguy cấp, quý, hiếm đó là sự kết hợp phân bố của loài Thông đà lạt (*Pinus dalatensis*) với loài Hồng lan (*Cymbidium insigne*) trong kiểu rừng hỗn giao cây lá rộng cây lá kim. Tầng cây gỗ chiếm ưu thế là Thông đà lạt (loài đặc hữu của Việt Nam) với khoảng 200 cây/ha và tầng thảm tươi với sự xuất hiện của loài Hồng lan (là một trong những loài hoa lan quý hiếm có hoa to và đẹp rực rỡ) đã tạo ra một trong những cấu trúc rừng độc đáo nhất

trên thế giới. Kiểu rừng này xuất hiện tại thôn Vi Rơ Ngheo, xã Đắk Tăng đang được cộng đồng dân cư bảo tồn kết hợp với phát triển du lịch sinh thái và du lịch cộng đồng.

4. KẾT LUẬN

Thực vật nguy cấp, quý, hiếm ở rừng tự nhiên Kon Plông có tổng cộng 96 loài, trong đó có 35 loài theo Sách Đỏ Việt Nam (2007) bị đe dọa ở mức VU trở lên, 14 loài trong Danh mục Đỏ IUCN (2024) ở mức VU trở lên và 70 loài nằm trong Nghị định số 84/2021/NĐ-CP. Điều

tra thực địa đã xác định được 41 loài thực vật rừng nguy cấp trong Sách Đỏ Việt Nam, Danh mục Đỏ thế giới (CR, EN, VU) và nguy cấp, quý, hiếm theo Nghị định số 84/2021/NĐ-CP (IA, IIA) thuộc 16 họ thực vật, trong đó có 20 loài vừa là ghi nhận mới cho khu hệ thực vật Kon Plông vừa là các loài nguy cấp, quý, hiếm không có trong các danh mục thực vật trước đây.

Các loài thực vật nguy cấp, quý, hiếm phân bố chủ yếu ở các khu vực rừng có độ cao dao động từ 400 m – 2.134 m trong các kiểu rừng chính là rừng kính lá rộng thường xanh và rừng hỗn giao cây lá rộng với cây lá kim thuộc Ban Quản lý rừng đặc dụng Thạch Nham và Công ty Lâm nghiệp huyện Kon Plông.

Kết quả nghiên cứu là cơ sở khoa học cho công tác bảo tồn tại chỗ (In Situ) các loài thực vật nguy cấp, quý, hiếm, đồng thời là cơ sở khoa học và thực tiễn góp phần làm căn cứ xây dựng các tiêu chí chuyển loại rừng phòng hộ và rừng sản xuất thành rừng đặc dụng, cũng như công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng trong khu vực.

Khuyến nghị

Rừng Kon Plông có các hệ sinh thái rừng còn tương đối nguyên vẹn với phân bố của nhiều loài động vật, thực vật nguy cấp, quý, hiếm đáp ứng đầy đủ các tiêu chí trở thành khu vực rừng đặc dụng. Tuy nhiên, hiện tại rừng ở đây vẫn đang là phòng hộ và sản xuất, nên việc quản lý bảo vệ thực vật nguy cấp, quý, hiếm nói riêng và rừng tự nhiên nói chung chưa chặt chẽ, nghiêm ngặt dẫn đến có thể gây mất rừng và mất nhiều loài động vật, thực vật nguy cấp, quý, hiếm. Do đó, các cơ quan chức năng cần sớm nghiên cứu để có phương án chuyển những diện tích rừng có giá trị bảo tồn cao này

thành rừng đặc dụng nhằm quản lý bảo vệ tốt hơn đa dạng sinh học ở đây.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1]. Eames, J.C., Kuznetsov, A. N., Monastyrskii, A. L., Nguyen Tien Hiep, Nguyen Quang Truong, & Quynh, H. Q. (2001). A Preliminary Biological Assessment of Kon Plong Forest Complex, Kon Tum Province, Vietnam. WWF Indochina Programme, Hanoi, Vietnam.
- [2]. Wearn, O.R., Trinh Dinh, H., Nguyen Quyet, T., Dao Cong, A., Nguyen Van, P., Nguyen Minh, P., Le Viet, M., Tran Ngoc, T., Hoang Quoc, H. & Nguyen, A. (2021). Myth to reality in the forests of Kon Plong: The exceptional biodiversity value of Kon Plong District, Kon Tum Province. Fauna & Flora International - Vietnam Programme, Hanoi.
- [3]. Nguyễn Nghĩa Thìn (2007). Các phương pháp nghiên cứu thực vật. Nhà xuất bản Đại học Quốc gia, Hà Nội.
- [4]. Phạm Hoàng Hộ (1999-2000). Cây cỏ Việt Nam (03 tập). Nhà xuất bản Trẻ, Thành phố Hồ Chí Minh.
- [5]. Nguyễn Tiến Bân (1997). Cẩm nang tra cứu và nhận biết các họ thực vật hạt kín ở Việt nam. Nhà xuất bản Khoa học và Kỹ thuật, Hà Nội.
- [6]. Nguyễn Tiến Bân (2000). Thực vật chí Việt Nam. Nhà xuất bản Khoa học và Kỹ thuật, Hà Nội.
- [7]. Nguyễn Tiến Bân (chủ biên) (2003). Danh mục các loài thực vật Việt Nam (Tập II). Nhà xuất bản Nông nghiệp, Hà Nội.
- [8]. Nguyễn Tiến Bân (Chủ biên) (2005). Danh mục các loài Thực vật Việt Nam (Tập III). Nhà xuất bản Nông nghiệp, Hà Nội.
- [9]. Bộ Khoa học và Công nghệ (2007). Sách đỏ Việt Nam, phần II – Thực vật. Nhà xuất bản Khoa học tự nhiên và Công nghệ, Hà Nội.
- [10]. International Union for Conservation of Nature (2024). The IUCN Redlist of Threatened Species. Truy cập từ <https://www.iucnredlist.org/>.
- [11]. Chính phủ Việt Nam (2021). Nghị định số 84/2021/NĐ-CP ngày 22 tháng 9 năm 2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 06/2019/NĐ-CP ngày 22 tháng 01 năm 2019 của chính phủ về quản lý thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm và thực thi công ước về buôn bán quốc tế các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp. truy cập từ <https://vanban.chinhphu.vn/default.aspx?pageid=27160&docid=204157>.